

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH002225**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tâm lý khách du lịch**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064501	Cao Ngọc Ánh	13/10/2008				7	7.6	7.9			9.6		8.8
2	2358102064502	Chung Nhật Ân	12/06/2008				8	8.4	8.4			9.2		8.8
3	2358102064503	Nguyễn Thành Cang	27/11/2006				7	9.6	10.0			9.6		9.5
4	2358102064504	Trương Trần Ngọc Châu	20/04/2008				8	9.6	9.6			0.0		3.7
5	2358102064505	Nguyễn Kim Hiền Diệu	07/11/2008				8.5	8.8	8.8			8.6		8.7
6	2358102064506	Nguyễn Ngọc Duy	09/01/2008				7	8.8	8.8			8.8		8.7
7	2358102064507	Nguyễn Thị Mỹ Duy	27/09/2008				9	6.8	7.0			8.8		8.2
8	2358102064508	Võ Lê Thùy Dương	14/04/2008				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
9	2358102064509	Bùi Thị Gấm	28/04/2007				9	6.4	6.4			9.0		8.2
10	2358102064510	Nguyễn Ngọc Hân	11/01/2008				7	9.6	10.0			9.6		9.5
11	2358102064511	Trần Thị Ngọc Hân	07/12/2008				9	9.6	10.0			9.6		9.6
12	2358102064512	Hà Văn Hiếu	25/06/2008				8	6.8	6.8			6.6		6.8
13	2358102064513	Trương Nguyễn Huy Hoàng	11/09/2008				7.5	8.4	8.7			9.6		9.1
14	2358102064514	Nguyễn Thái Khang	07/09/2008				7	6.8	6.8			0.0		2.7
15	2358102064515	Lê Phương Lam	19/11/2008				8	7.2	7.2			6.4		6.8
16	2358102064516	Nguyễn Thị Tuyết Loan	18/05/2007				9	9.2	9.2			8.2		8.6
17	2358102064517	Nguyễn Ngọc Phương Ly	08/11/2008				9	7.6	7.6			7.4		7.6
18	2358102064518	La Nguyễn Bảo Minh	01/12/2008				8.5	9.2	9.2			8.4		8.7
19	2358102064519	Bùi Thị Ngọc Mỹ	27/11/2008				9	7.6	7.9			5.0		6.2
20	2358102064520	Võ Nhật Ngân	09/01/2008				9	7.2	7.2			6.3		6.8
21	2358102064521	Ngô Bảo Nghi	29/12/2008				8	8.0	8.0			6.3		7.0
22	2358102064522	Huỳnh Bảo Ngọc	24/05/2008				8	8.0	8.3			8.4		8.3
23	2358102064523	Phạm Đặng Huỳnh Ngọc	16/03/2008				8	8.0	8.0			8.4		8.2
24	2358102064524	Nguyễn Văn Nhon	30/03/2008				8	6.4	6.4			5.9		6.2
25	2358102064525	Lê Thị Huỳnh Như	19/10/2008				9	7.2	7.5			5.8		6.6
26	2358102064526	Trần Minh Nhựt	11/12/2008				7.5	9.6	9.6			0.0		3.7
27	2358102064527	Võ Thị Kiều Oanh	28/11/2000				8.8	9.6	10.0			9.6		9.6
28	2358102064528	Nguyễn Thành Phát	11/12/2008				8	6.4	6.7			5.0		5.7
29	2358102064529	Nguyễn Hồ Thiên Phúc	05/10/2008				7	9.2	9.2			8.4		8.5
30	2358102064530	Nguyễn Trường Phúc	26/10/2008				7	8.0	8.3			8.4		8.2
31	2358102064531	Võ Hoàng Kim Phụng	11/08/2008				8.5	7.2	7.5			7.4		7.5
32	2358102064532	Trần Thảo Quyên	09/04/2008				8	10.0	10.0			9.6		9.6
33	2358102064533	Lê Minh Thuận	11/03/2008				9	7.6	7.6			9.6		8.9
34	2358102064534	Nguyễn Thị Anh Thư	17/07/2008				8	8.8	8.8			9.4		9.1
35	2358102064535	Phan Trường Thương	12/11/2008				8.8	9.6	10.0			7.6		8.4

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 29 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Minh Khánh